

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/3/2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Bình**

2. Ông: **Nguyễn Doãn Ước**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Anh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST- HNGĐ ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hà Ngọc Đ**, sinh năm: 1970; địa chỉ: Xóm X, xã TP, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm: 1968; địa chỉ: Xóm X, xã TP, huyện TC, tỉnh NA.. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh **Hà Ngọc V**, sinh năm: 2000; địa chỉ: Xóm X, xã TP, huyện TC, tỉnh NA. (Con đẻ chị Nguyễn Thị O). Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư: **Lê Đăng Tế** - Cộng tác viên Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2021 bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn anh Hà Ngọc Đ trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 01/1998, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay, tình cảm vợ chồng là không còn nữa anh Hà

Ngọc Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Ngọc V, sinh ngày 01/10/2000 và Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006. Cháu Hà Ngọc V đã trên 18 tuổi trưởng thành anh Đường không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 thì anh Hà Ngọc Đ đồng ý giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Anh Hà Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị O và người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Ngọc Đ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 01/1998, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay, tình cảm vợ chồng là không còn, anh Đ xin ly hôn thì chị Nguyễn Thị O và người đại diện hợp pháp của chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Ngọc V, sinh ngày 01/10/2000 và Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006. Cháu Hà Ngọc V đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 và không yêu cầu anh Hà Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị O và người đại diện hợp pháp của chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư Lê Đăng Tế người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị O có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là không được đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay anh Hà Ngọc Đ xin ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xử không công nhận anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Ngọc V, sinh ngày 01/10/2000 và Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006. Cháu Hà Ngọc V đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 thì trong các buổi hoà giải chị Nguyễn Thị O và anh Hà Ngọc Đ thoả thuận giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chị O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự giao cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Ngọc Đ.

Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó luật sư không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử không công nhận anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Ngọc V, sinh ngày 01/10/ 2000 và Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006. Cháu Hà Ngọc V đã trên 18 tuổi trưởng thành anh Đ, chị O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự giao cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Ngọc Đ.

Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh Hà Ngọc Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O sống chung với nhau vào năm 1998, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi tổ chức đám cưới thì anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O sống chung hạnh phúc được một thời gian đầu, đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau, anh Hà Ngọc Đ xin ly hôn thì chị Nguyễn Thị O đồng ý.

Kết quả xác minh tại UBND xã TP, huyện TC là nguyên quán và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O và kết quả xác minh tại Phòng Tư pháp UBND huyện Thanh Chương đều thể hiện là anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Xét thấy lời khai của anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là có căn cứ, phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã TP, huyện TC và kết quả xác minh tại Phòng tư pháp UBND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Về quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là không hợp pháp, không được đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay anh Hà Ngọc Đ xin ly hôn chị

Nguyễn Thị O do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xử không công nhận anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Ngọc V, sinh ngày 01/10/ 2000 và Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006. Hiện nay cháu Hà Ngọc V đã trên 18 tuổi trưởng thành Anh Đ, chị O không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Đối với cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 hiện đang ở với chị O. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị O có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh Hà Ngọc Đ là đồng ý giao con cho chị O nuôi dưỡng, anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai ngày cháu Hà Thị T có ý kiến là muốn được ở với chị Nguyễn Thị O.

Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Hà Thị T không ở với anh Hà Ngọc Đ, chị O có thu nhập ổn định mỗi tháng trung bình là 4.000.000đồng đủ điều kiện mọi mặt để nuôi con do đó giao con cho chị trực chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của con, đúng với quy định tại các Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về chia tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Hà Ngọc Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Hà Ngọc Đ và chị Nguyễn Thị O là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/11/2006 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Ngọc Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Về án phí: Anh Hà Ngọc Đ phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai số 0004603 ngày 24/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

